

Name: _____

birthday party

shēng rì huì

生日会

to give to

sòng gěi

送给

gift, present

lǐ wù

礼物

wrist watch

shǒu biǎo

手表

jacket

jiǎ kè

夹克

measure word for shirts, dresses, jackets, coats

jiàn

件

pineapple

bō luó

菠萝

lychee

lì zhī

荔枝

Name: _____

peach

táo zǐ

桃子

healthy

jiàn kāng

健康

happy

gāo xìng

高兴